

Bản án số: 165/2017/DS-PT

Ngày: 27 - 9 - 2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán:

Ông Hà Thanh Hùng

Bà Trịnh Xuân Trúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Vắng mặt.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2017/TLPT-DS ngày 01 tháng 9 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2017/DS-ST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2017/QĐPT-DS ngày 11 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Minh K, sinh năm 1964 (Có mặt); Địa chỉ: Số 160A, đường Q, khóm 5, Phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Thái Khôn M (T), sinh năm 1979 (Có mặt); Địa chỉ thường trú: Đường N, khóm 7, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Địa chỉ tạm trú: Số 132/35, đường L, khóm 3, Phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Phan Minh T, sinh năm 1982 (Vắng mặt); Địa chỉ: Số 127D, đường N, khóm 7, Phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Anh Trần Văn B, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 160A, đường Q, khóm 5, Phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau (không triệu tập)

- *Người làm chứng:* Anh Trần Thanh P, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 16/7A, đường Q, khóm 2, Phường 7, thành phố C, tỉnh Cà Mau (không triệu tập).

- *Người kháng cáo:* Anh Thái Khôn M – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn anh Huỳnh Minh K trình bày: Anh và anh Thái Khôn M có giao dịch cho vay nhiều lần, từ nhiều năm, có vay có trả và đến ngày 23/9/2016, anh và anh M có tổng kết số nợ với nhau, anh M còn nợ với số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) có viết biên nhận, cam kết thời hạn 01 tháng

trả số tiền trên và thỏa thuận lãi là 3%/tháng, khi vay anh M là người trực tiếp nhận tiền. Kể từ khi kết toán nợ đến nay anh M không trả vốn và lãi. Do đó, yêu cầu Tòa án buộc anh M thanh toán số tiền là 378.000.000 đồng (Trong đó, nợ vốn 350.000.000 đồng và tiền lãi 08 tháng tính từ ngày 23/10/2016 đến ngày 23/6/2017 (1%/tháng) với số tiền là 28.000.000 đồng). Cụ thể: 350.000.000 đồng x 1%/tháng x 8 tháng = 28.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, ý kiến trình bày của anh Thái Khôn M trong quá trình giải quyết vụ án: Anh và vợ là Phan Minh T có vay tiền của anh Trần Văn B nhiều lần, những lần sau cùng anh có trực tiếp vay và nhận tiền từ anh K. Đến ngày 23/9/2016, anh và anh K kết toán nợ với nhau, anh có ký nhận nợ với số tiền 350.000.000 đồng, biên nhận do anh Trần Văn B viết hộ, người chứng kiến là anh Trần Thanh P. Từ khi ký biên nhận nợ, anh và chị T không trả nợ vốn và nợ lãi cho anh K. Đến nay anh xác định anh và chị T vẫn còn nợ và đồng ý trả cho anh K số tiền 378.000.000 đồng (trong đó nợ vốn là 350.000.000 đồng và nợ lãi là 28.000.000 đồng). Do anh và chị T đã ly hôn từ tháng 02/2017, hiện anh không biết địa chỉ của chị T. Nay anh chỉ đồng ý trả cho anh K $\frac{1}{2}$ số nợ 378.000.000 đồng là 189.000.000 đồng, còn $\frac{1}{2}$ số nợ chị T có trách nhiệm trả cho K.

Tại biên bản ghi ý kiến của anh Trần Văn B trình bày: Anh có giới thiệu cho anh M đến để trực tiếp giao dịch vay tiền của anh K (anh K là anh vợ của anh) với số tiền là 350.000.000 đồng. Giữa anh M và anh K đã có giao dịch vay tiền nhiều năm nay, anh M là người nhận tiền trực tiếp từ anh K, không có nhận tiền từ anh. Anh xác định vào ngày 23/9/2016 giữa anh K và anh M kết toán nợ với nhau, anh M còn nợ anh K số tiền 350.000.000 đồng, Anh là người viết hộ biên nhận cho anh M ký và ghi họ tên, có anh P là người chứng kiến. Do đó, anh xác định anh chỉ là người giới thiệu anh K cho anh M vay tiền.

Tại biên bản ghi ý kiến và được bổ sung tại phiên tòa, anh Trần Thanh P người làm chứng trình bày: Vợ anh là Trần Thị Mộng Cẩm có học uốn tóc, trang điểm cô dâu tại tiệm “Áo cưới Thuý” ở phường 8, thành phố C, do chị T (vợ của anh M làm chủ). Anh có nghe anh M nhờ anh B nói giùm với anh K để vay tiền, có vài lần anh là người trực tiếp chở anh M đến nhà của anh K để anh M vay tiền. Còn việc vay mượn cụ thể mỗi lần bao nhiêu thì anh không rõ. Đến ngày 23/9/2016 anh K có nhờ anh chở đến nhà của anh M để kết toán nợ với nhau, anh M còn nợ anh K số tiền 350.000.000 đồng, anh B là người viết hộ biên nhận cho anh M ký và ghi họ tên, anh có ký tên trong biên nhận là người chứng kiến sự việc. Do đó, anh xác định chỉ là người biết anh K cho anh M vay tiền.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 73/2017/DS-ST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Minh K. Buộc anh Thái Khôn M (T) có nghĩa vụ thanh toán cho anh Huỳnh Minh K số tiền là: 378.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày anh K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh M không thi hành xong khoản nợ nêu trên, thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự và Luật thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 25/7/2017 anh Thái Khôn M kháng cáo với nội dung: Anh M cho rằng nợ 378.000.000 đồng là nợ chung của vợ chồng, buộc chị Phan Minh T phải thanh toán $\frac{1}{2}$ số nợ, xin được trả dần hàng tháng và không tiếp tục tính lãi suất đối với số nợ của anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Anh M tranh luận: Việc thỏa thuận ly hôn nội dung nợ chung không có là do chị T khai, hiện chị T đã đi nước ngoài, anh không biết địa chỉ nên anh không có tài liệu nào xác nhận việc nợ chung của vợ chồng.

Anh K không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Thái Khôn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm anh M thừa nhận có nợ anh K 350.000.000 đồng và số tiền lãi là 28.000.000 đồng. Tuy nhiên số nợ này là nợ chung của vợ chồng, anh chỉ đồng ý thanh toán $\frac{1}{2}$ số nợ nêu trên và anh M cũng thừa nhận trước đây vợ chồng anh có thỏa thuận ly hôn với nhau về phần nợ chung thỏa thuận là không có.

Anh M tranh luận việc thỏa thuận nợ chung không có, là do chị T khai. Hội đồng xét xử xét thấy nếu chị T khai mà anh không thống nhất thì anh có quyền có ý kiến, tuy nhiên anh lại đồng ý với chị T và ký tên vào biên bản (bút lục 31). Hiện nay, anh M cũng không chứng minh được việc chị T thừa nhận $\frac{1}{2}$ số nợ này và hiện nay chị T đã đi nước ngoài, anh không liên hệ được. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh M về vấn đề nợ chung của vợ chồng.

[2] Đối với kháng cáo của anh M về việc không tiếp tục tính lãi đối với số nợ của anh, vấn đề này phải căn cứ vào đơn yêu cầu thi hành án của anh K, nếu anh M chậm thi hành án thì anh M phải chịu mức lãi suất theo quy định chung.

[3] Vấn đề anh M yêu cầu được trả nợ hàng tháng, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Quá trình thi hành án, anh M có thể thỏa thuận với anh K trong giai đoạn thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Thái Khôn M.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 73/2017/DS-ST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Minh K. Buộc anh Thái Khôn M (T) có nghĩa vụ thanh toán cho anh Huỳnh Minh K số tiền là: 378.000.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày anh K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh M không thi hành xong khoản nợ nêu trên, thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Án phí dân sự phúc thẩm anh Thái Khôn M phải nộp là 300.000 đồng. Anh M đã dự nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0003453 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được chuyển thu đối trừ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Hải Hà